

Số: 1020/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cử giảng viên đang công tác tại các Khoa, Trung tâm
tham gia giảng dạy tại Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An,
năm học 2024 - 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐTĐHTB ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-ĐHTB ngày 12/8/2021 của Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục và thực hành sư phạm tại Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An;

Căn cứ Tờ trình số 116/TTr-CVA ngày 23/7/2024 của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An và văn bản đề nghị cử giảng viên tham gia giảng dạy kiêm nhiệm của các Khoa, Trung tâm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các giảng viên đang công tác tại các Khoa, Trung tâm tham gia giảng dạy tại Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An, năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các giảng viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện thêm nhiệm vụ giảng dạy tại Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An theo Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục và thực hành sư phạm tại Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị có liên quan và các giảng viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ql*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trường TH, THCS & THPT CVA;
- Lưu: VT, TC-HC (2b).



KT. HIỆU TRƯỞNG

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Hồng Đức**

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY TẠI
TRƯỜNG TH, THCS & THPT CHU VĂN AN, NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-DHTB ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Cấp học giảng dạy						Kiêm nhiệm		Tổng số tiết
			Trung học cơ sở			Trung học phổ thông					
			Môn	Lớp	Số tiết	Môn	Lớp	Số tiết	Công việc	Số tiết	
1	Lê Sỹ Bình	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm				Hóa học	12A	70			155
						Cụm CDHTLC Hóa học	12A	35			
						Ôn học sinh giỏi	Khối 12	50			
2	Nguyễn Thị Hải	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ				Hóa học	10A	70			155
						Cụm CDHTLC Hóa học	10A	35			
						Ôn học sinh giỏi	Khối 10	50			
3	Lê Khắc Phương Chi	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	Khoa học tự nhiên (Hóa học)	8A	48	Hóa học	11A	70			301
				8B	48	Cụm CDHTLC Hóa học	11A	35			
			Ôn học sinh giỏi	Khối 8	50	Ôn học sinh giỏi	Khối 10	50			
4	Vũ Thị Thanh Nhân	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ				Sinh học	11A	70			190
						Sinh học	12A	70			
						Ôn học sinh giỏi	Khối 11	50			
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ				Tin học	10A	70			380
							10B	70			
							12A	70			
							12B	70			
						Ôn học sinh giỏi	Khối 10, 11, 12	100			

6	Nguyễn Hữu Cường	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	Tin học	8A	35	Tin học	11A	70			210
				8B	35		11B	70			
7	Phú Thùy Hương	Khoa Khoa học xã hội				Ngữ văn	10A	105			270
						Giáo dục địa phương phần Văn	10B	105			
						Ôn HSG Ngữ văn	Khối 10	10			
							Khối 10	50			
			Ngữ văn	8A	140	Ngữ văn	11A	105			
			Ôn học sinh giỏi	Khối 8	25		11B	105			
8	Ngô Thị Phương	Khoa Khoa học xã hội				Cụm CDHTLC Ngữ văn	11B	35			478
						Giáo dục địa phương phần Văn	Khối 11	18			
						Ôn học sinh giỏi	Khối 11	50			
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa Khoa học xã hội				Địa lí	12B	70			
						Giáo dục địa phương phần Địa	Khối 12	12			232
						Ôn học sinh giỏi	Khối 10, 11, 12	150			
10	Lê Thị Thu Hòa	Khoa Khoa học xã hội	Lịch sử & Địa lí (Địa lí)	6A	52						
			Giáo dục địa phương	Khối 6	26						180
			Ôn học sinh giỏi	Khối 6	50						
11	Bùi Thị Hoa Mận	Khoa Khoa học xã hội				Địa lí	11B	70			88
						Giáo dục địa phương	Khối 11	18			

12	Trần Thị Vân	Khoa Cơ sở				Tiếng Anh		10A	105			196
						Ôn học sinh giỏi		10B	66			
13	Nguyễn Văn Minh	Khoa Cơ sở				Tiếng Anh		Khối 10	25			130
						Ôn học sinh giỏi		12A	105			
14	Lêo Thị Thơ	Khoa Cơ sở				Giáo dục Kinh tế, PL		Khối 12	25			
						Giáo dục địa phương		11B	70			80
						Giáo dục địa phương		Khối 11	10			
15	Khổng Minh Ngọc Mai	Khoa Cơ sở				Giáo dục Kinh tế, PL		10B	70			80
						Giáo dục địa phương		Khối 10	10			
						Giáo dục địa phương		12B	35			
16	Đèo Thị Thủy	Khoa Cơ sở				Giáo dục địa phương		Khối 12	12			147
						Ôn học sinh giỏi		Khối 11, 12	100			
17	Vũ Thị Thúy	Khoa Cơ sở	Hoạt động TN-HN	9A	35	Hoạt động TN-HN		10A	35			105
				9B	35			10B	35			
								11A	35			
18	Bùi Thị Thanh Hải	Khoa Khoa học TN - CN	Khoa học tự nhiên (Sinh học)	8A	45							140
			Ôn học sinh giỏi	8B	45							
				Khối 8	50							
19	Vũ Thị Hải Ninh	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	Khoa học tự nhiên (Hoá học)	9A	52							274
				9B	52							
				7A	35							
				7B	35							
			Ôn học sinh giỏi	Khối 9	50							
				Khối 7	50							

20	Đào Thị Lan	Hương	Khoa KHSK	Khoa học tự nhiên (Hoá học)	6A	26							102
				Ôn học sinh giỏi	6B	26							
21	Phạm Thị Thanh	Tú	Khoa KHSK		Khối 6	50							120
22	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	Khoa học tự nhiên (Sinh học)	9A	40							130
				Ôn học sinh giỏi	9B	40							
					Khối 9	50							
23	Lò Thị	Thu	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	Tin học	7A	35							210
					7B	35							
					9A	35							
					9B	35							
					6A	35							
					6B	35							
26	Lê Thị Ngọc	Ánh	Khoa Khoa học xã hội	Ngữ văn	8B	140							173
				Giáo dục địa phương	Khối 8	8							
				Ôn học sinh giỏi	Khối 8	25							
27	Phạm Thị Phương	Huyền	Khoa Khoa học xã hội	Ngữ văn	7A	140							338
				Giáo dục địa phương	7B	140							
				Ôn học sinh giỏi	Khối 7	8							
					Khối 7	50							

28	Hoàng Thị Thanh	Giang	Khoa Khoa học xã hội	Lịch sử & Địa lí (Địa lí) Giáo dục địa phương Ôn học sinh giỏi	7A 7B 9A Khối 7 9A Khối 7, 9	52 52 52 28 14 100						298
29	Tòng Thị Quỳnh	Hương	Khoa Khoa học xã hội	Lịch sử & Địa lí (Địa lí)	8A 8B 9B 9B Khối 8 Khối 8	52 52 52 14 46 50						216
				Giáo dục địa phương								
				Ôn học sinh giỏi								
30	Trần Thị Thanh	Hà	Khoa Khoa học xã hội				Địa lí Giáo dục địa phương phần Địa	10A Khối 10	70 18			88
32	Đặng Thị	Lan	Khoa Cơ sở	Tiếng Anh	6A 6B Khối 6	105 105 50						260
				Ôn học sinh giỏi								
33	Lại Trang	Huyền	Khoa Cơ sở	Giáo dục công dân	7A 7B	35 35						70
34	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Khoa Cơ sở	Giáo dục công dân	6A 6B	35 35						70
35	Nguyễn Thị Thu	Châu	Khoa Cơ sở	Giáo dục công dân	9A 9B	35 35						70
36	Vũ Diệu	Linh	Khoa Cơ sở	Giáo dục công dân	8A 8B	35 35						70

37	Lò Thị Vân	Khoa Cơ sở	Hoạt động TN-HN	8A	35							210
				8B	35							
				7A	35							
				7B	35							
				6A	35							
38	Bùi Mạnh Thắng	Khoa Khoa học xã hội	Lịch sử & Địa lí (Lịch sử) Giáo dục địa phương Ôn HSG	6B	35							190
				9A	53							
				9B	53							
				Khối 9	34							
	Phạm Hồng Sơn	Khoa KHTN-CN	Khoa học tự nhiên (Vật lý) Ôn học sinh giỏi	Khối 9	50							144
				7A	47							
				7B	47							
39	Phạm Hồng Sơn	Khoa KHTN-CN	Ôn học sinh giỏi	Khối 7	50							

24

ĐẠO